NGHE VÀ ĐỌC THEO

j	q	x
ia	ie	iao
iou (iu)	ian	in
iang	ing	iong
üe	üan	ün

LIVEWORKSHEETS

Nghe và chọn âm nghe được

j q	j x	q x
jī ------ qī	jià ------ xià	qī ------ xī
jīn ----- qīn	jīng ----- xīng	qián ----- xián
jǐng ----- qǐng	jù ----- xù	qiū ----- xiū
jù ------ qù	jué ------ xué	qǔ ------ xǔ
jiāo ----- qiāo	jiě ----- xiě	qiě ----- xiě
jiǎng ----- qiǎng	jiào ----- xiào	quán ----- xuán
jiān ----- qiān	jiàn ----- xiàn	qiǎo ----- xiǎo
jiū ----- qiū	jìn ----- xìn	qìng ----- xìng

LIVEWORKSHEETS

Nghe và đọc theo

1

jī ----jí--- jǐ--- jì

xū--- xú--- xǔ ---xù

qiāo--- qiáo--- qiǎo--- qiào

yāo--- yáo--- yǎo--- yào

xiān--- xián--- xiǎn ---xiàn

jiā--- jiá--- jiǎ--- jià

qīn--- qín--- qǐn--- qìn

xiāng--- xiáng---- xiǎng---- xiàng

quān---- quán---- quǎn---- quàn

xīng----- xíng---- xǐng----- xìng

2

bù gāo--- bù hē---- bù hēi---- bù tīng

bù máng---- bù hóng---- bù nán---- bù xíng

bù hǎo---- bù dǒng---- bù shǎo---- bù měi

bú dà---- bú niàn---- bú huì----- bú xiàng

bú qù---- bú yào---- bú yòng---- bú yuàn

bú dàn---- bú màn ----bú pàng----- bú fàng

LIVEWORKSHEETS

KÉO TỪ NGHE ĐƯỢC VÀO Ô TRỐNG PHÙ HỢP

liù yóu yǎn xiào jìng

qiú yuè yín yī míng

1. Jīntiān xīngqī _____, tā xiǎng qù _____ yǒng.

2. Mǎlì ài tīng yīn _____, Màikè ài dǎ lán _____ .

3. Jīntiān xué_____yǒu Hànyǔ jiémù biǎo_____, qù kàn ma?

4. Tóngxuémen, qǐng ān_____ .

5. jīntiān qù _____háng qǔ qián ,
_____tiān qù _____yuàn kàn bìng.

LIVEWORKSHEETS